TRƯỜNG THPT DƯƠNG VĂN DƯƠNG

HOẠT ĐỘNG SINH HOẠT TẬP TRUNG HỌC SINH ĐẦU CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Nhà Bè, ngày 01 tháng 9 năm 2020

CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN

1 MỤC TIÊU GIÁO DỤC & HỌC TẬP

- *Trích dẫn nội dung liên quan Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO).*

2 NHIỆM VỤ HỌC TẬP & RÈN LUYỆN

- *Trích dẫn các nội dung quan trọng của Điều Lệ trường THPT (Thông tư hướng dẫn số 12/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GD&ĐT).*

3 QUY CHẾ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC SINH

- *Trích dẫn các nội dung quan trọng của Thông tư hướng dẫn số 58/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GD&ĐT.*

United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization

HỌC ĐỂ BIẾT, HỌC ĐỂ LÀM, HỌC ĐỂ CHUNG SỐNG, HỌC ĐỂ TỰ KHẲNG ĐỊNH MÌNH

STEM

Science • Technology • Engineering • Math

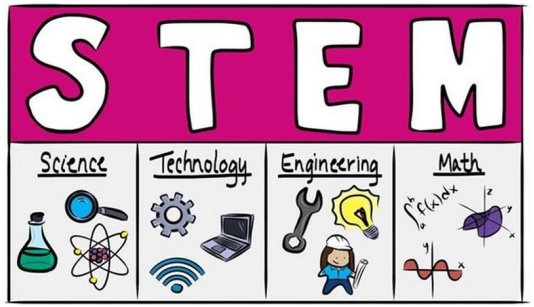

GIÁO DỤC STEM

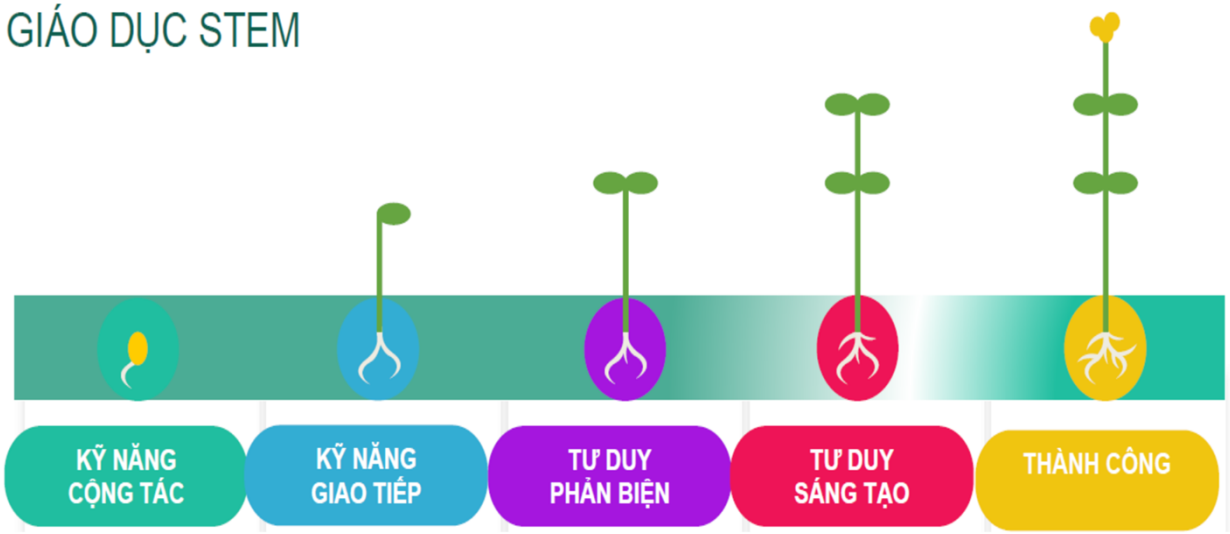

NHIỆM VỤ CỦA HỌC SINH
(trích Đ.38 TT.12)

Thực hiện học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch của nhà trường;

Kính trọng cha mẹ, thầy cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; Đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện;

Thực hiện Điều lệ, Nội quy của nhà trường; Chấp hành pháp luật của Nhà nước;

NHIỆM VỤ CỦA HỌC SINH
(trích Đ.38 TT.12)

Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh các nhân;

Tham gia các hoạt động tập thể của nhà trường; Giúp đỡ gia đình; Tham gia công tác xã hội; Thực hiện trật tự an toàn giao thông;

Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường;

04 NHÓM MÔN HỌC CỦA CHƯƠNG TRÌNH CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

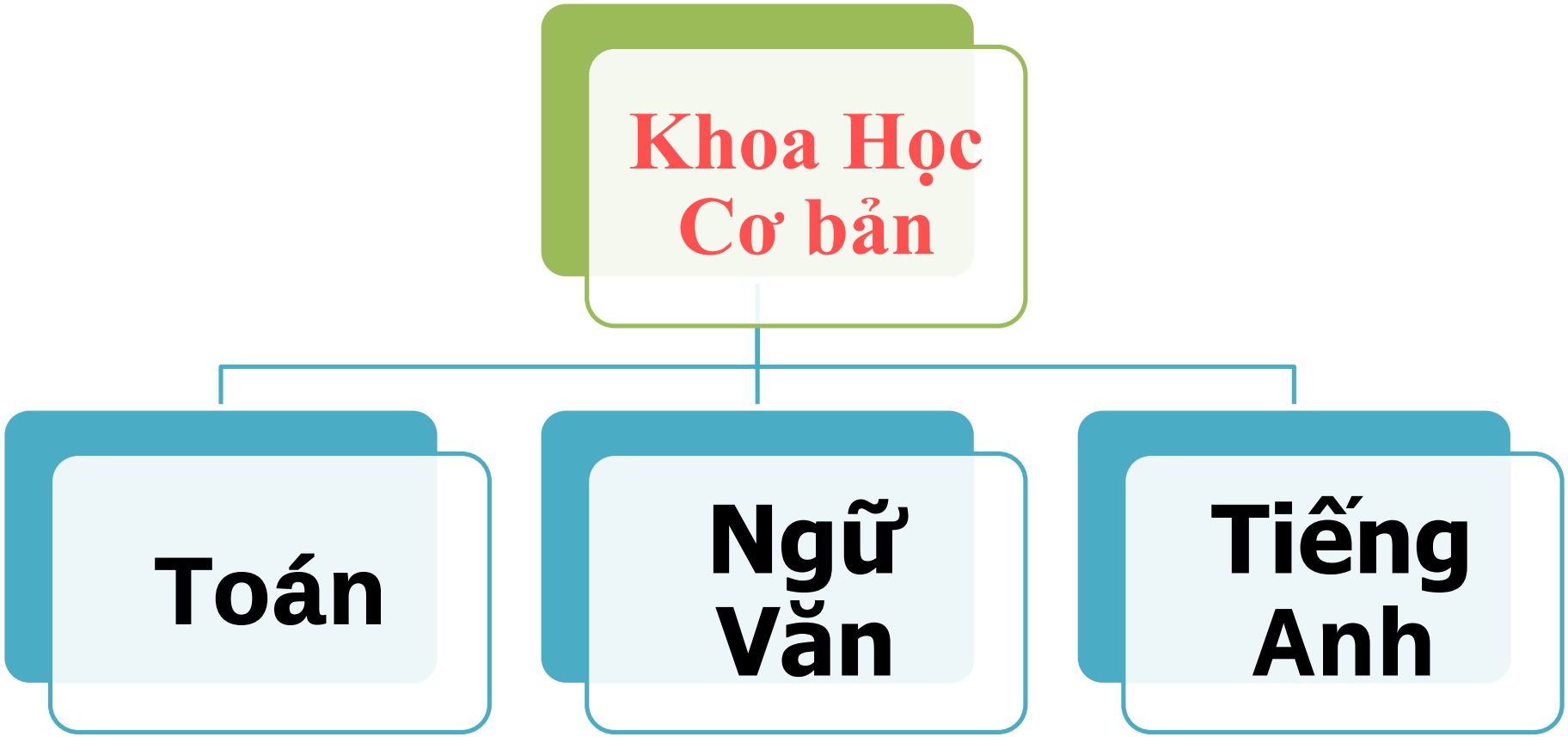

04 NHÓM MÔN HỌC CỦA CHƯƠNG TRÌNH CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

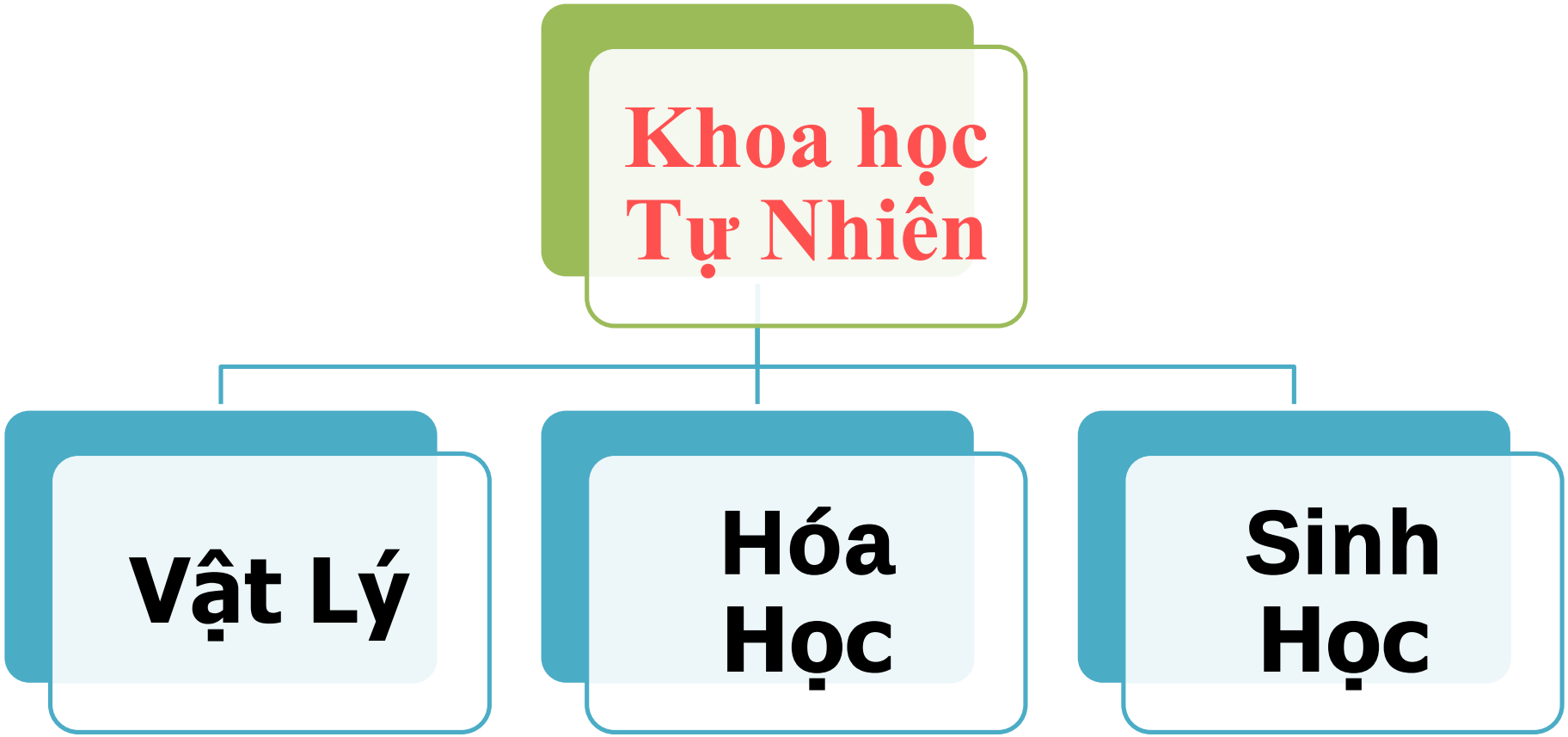

04 NHÓM MÔN HỌC CỦA CHƯƠNG TRÌNH CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

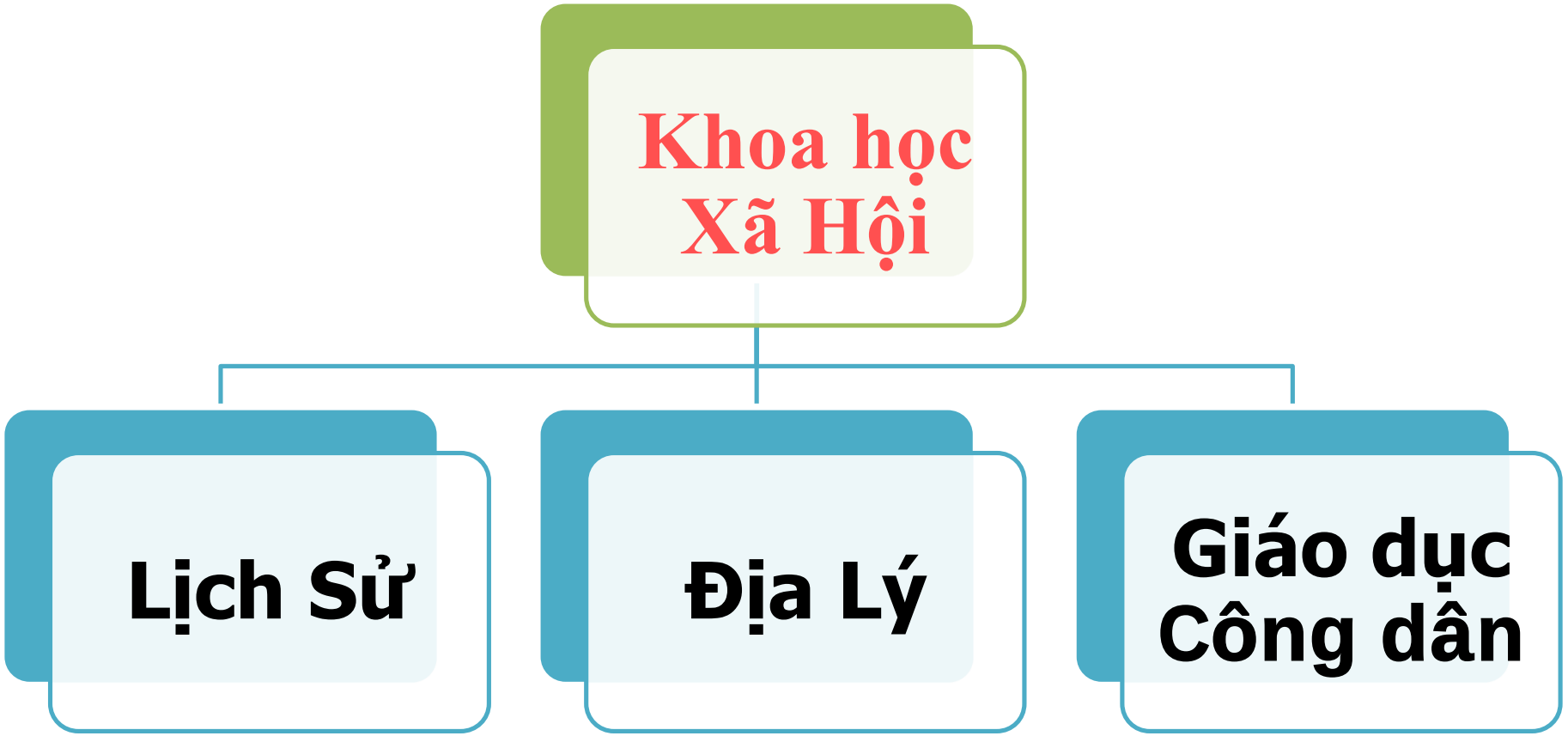

04 NHÓM MÔN HỌC CỦA CHƯƠNG TRÌNH CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

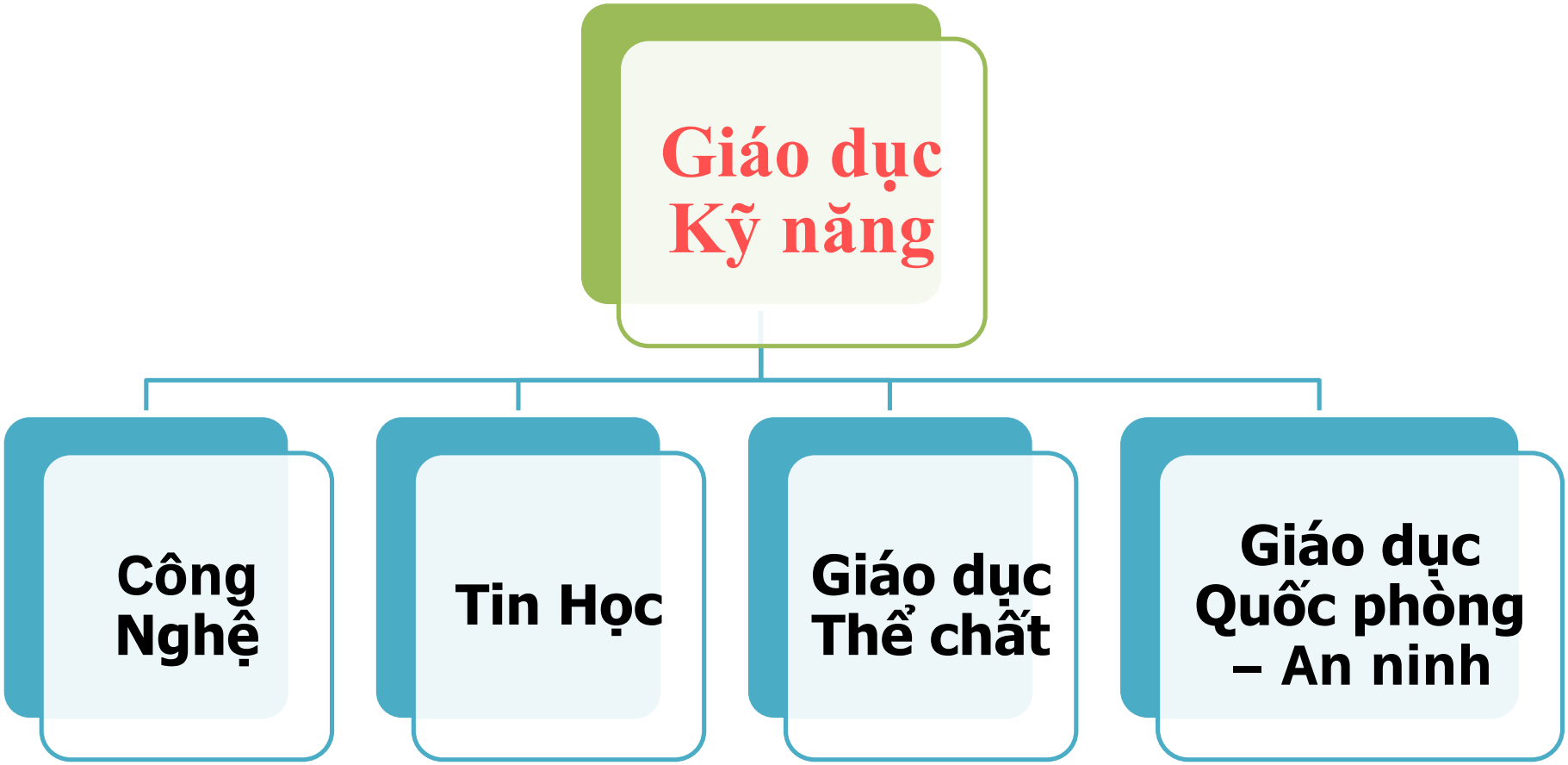

04 MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT TRONG HỌC TẬP

04 MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT TRONG HỌC TẬP

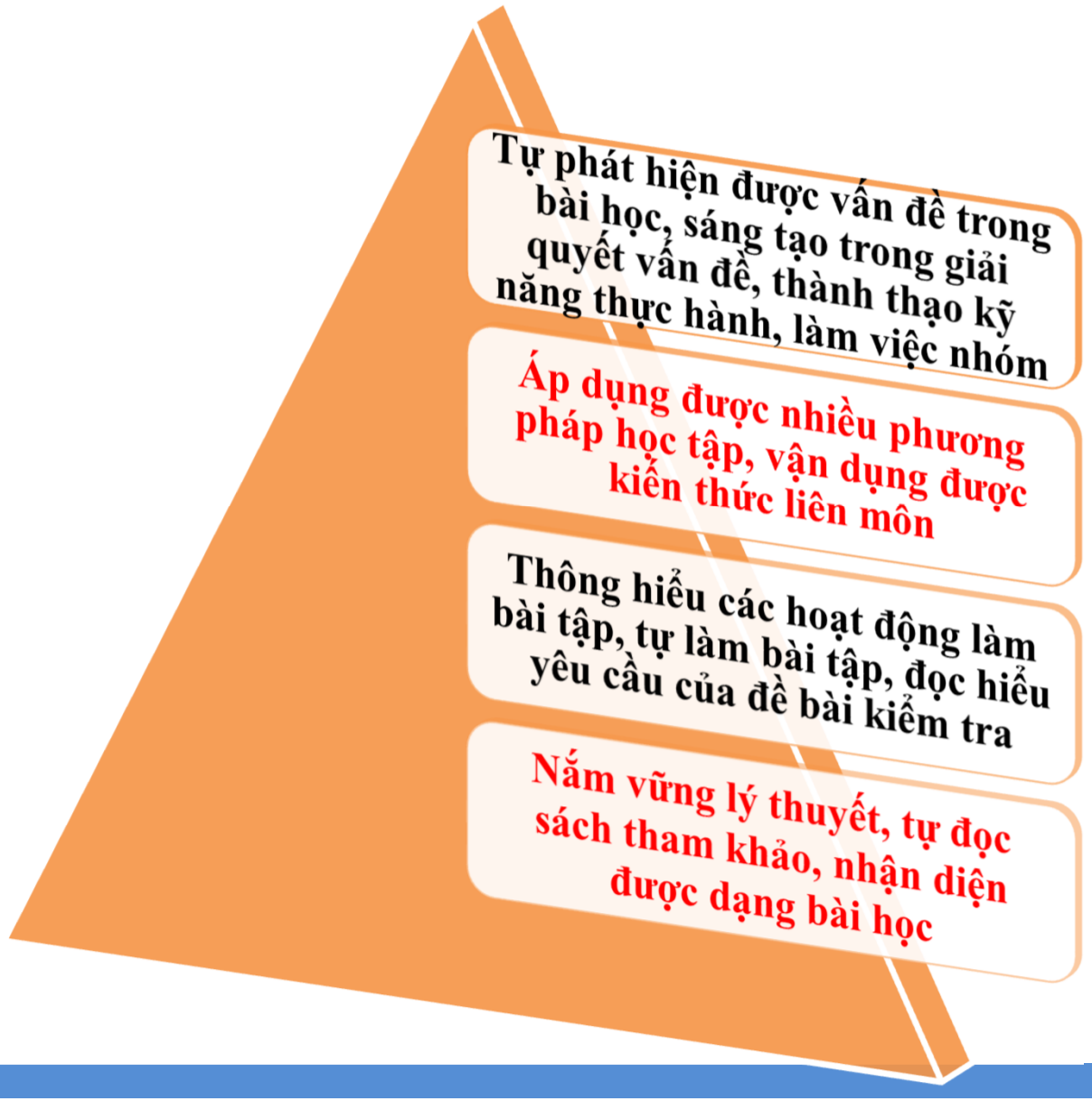

CĂN CỨ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC SINH

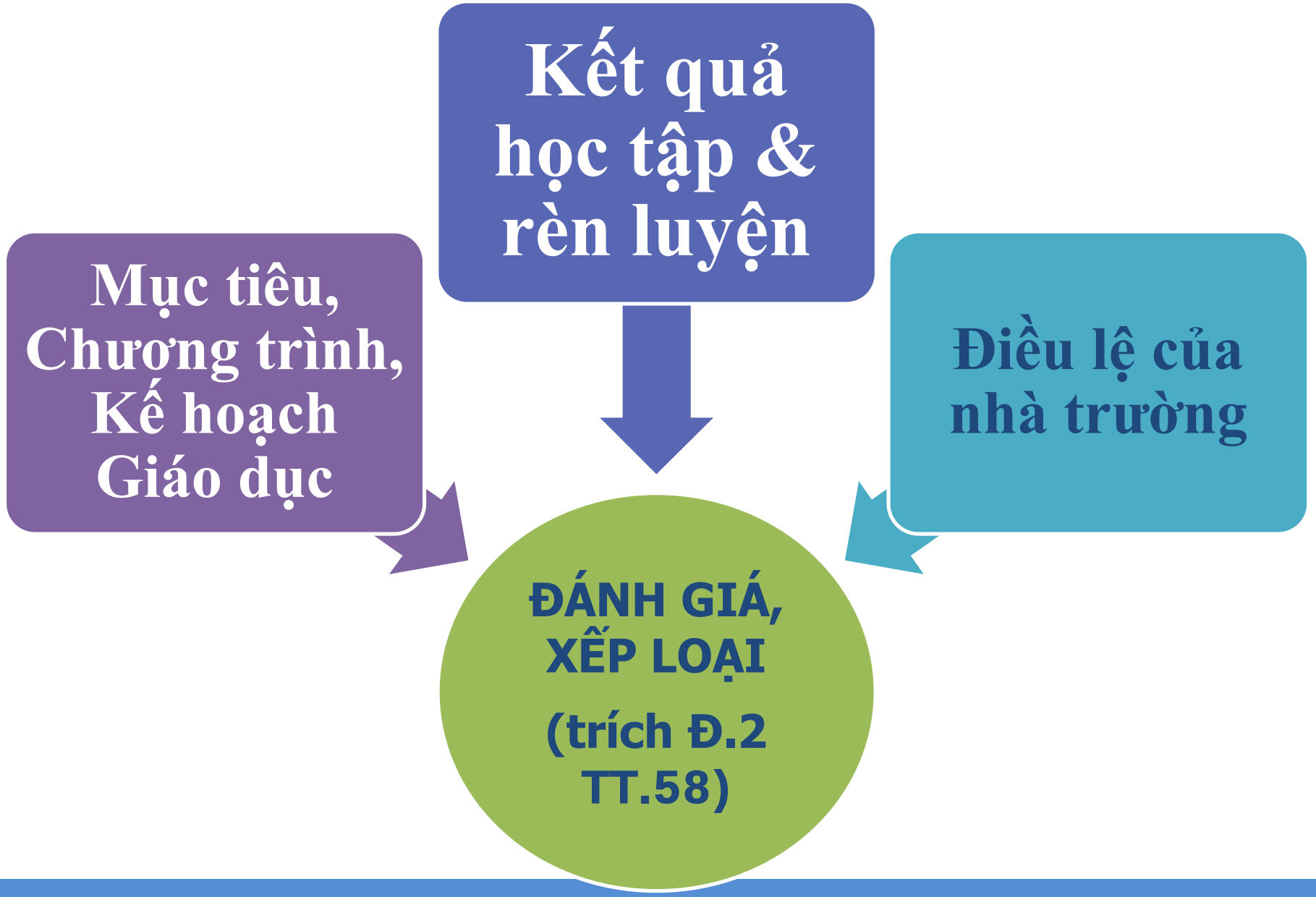

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HẠNH KIỂM
(trích Đ.3 TT.58)

Hạnh kiểm được xếp thành 04 loại: T (Tốt), K (Khá), TB (Trung bình) và Y (Yếu);

Hạnh kiểm được đánh giá, xếp loại sau mỗi học kỳ (học kỳ 1, 2) và cả năm học;

Hạnh kiểm Cả năm học chủ yếu căn cứ vào xếp loại Hạnh kiểm Học kỳ 2 và sự tiến bộ của học sinh;

TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI HẠNH KIỂM: TỐT
(trích Đ.4 TT.58)

Thường xuyên **thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường**; Chấp hành tốt luật pháp, quy định về trật tự, an toàn xã hội, **an toàn giao thông**; ...

Luôn luôn **kính trọng thầy cô giáo, người lớn tuổi**; Có ý thức xây dựng tập thể, đoàn kết; Tích cực **giữ gìn vệ sinh**, bảo vệ môi trường; ...

TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI HẠNH KIỂM: TỐT
(trích Đ.4 TT.58)

Thực hiện tốt, **hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập**, có **ý thức vươn lên**, **trung thực** trong học tập; **Tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục** do nhà trường tổ chức; ...

Có thái độ, hành vi đúng đắn trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống theo nội dung môn học **Giáo dục Công dân**.

TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI HẠNH KIỂM: KHÁ
(trích Đ.4 TT.58)

Chưa đạt mức độ **tốt** ở các tiêu chuẩn xếp loại hạnh kiểm Tốt;

Còn **thiếu sót nhưng kịp thời sửa chữa** sau khi được thầy cô giáo và các bạn góp ý;

XẾP LOẠI HẠNH KIỂM: TRUNG BÌNH
(trích Đ.4 TT.58)

Có một số khuyết điểm (ở mức độ chưa nghiêm trọng) nên không đạt chuẩn xếp loại hạnh kiểm Tốt;

Có tiếp thu, sửa chữa khuyết điểm sau khi được nhắc nhở và giáo dục, nhưng tiến bộ còn chậm.

XẾP LOẠI HẠNH KIỂM: YẾU
(trích Đ.4 TT.58)

Chưa đạt tiêu chuẩn xếp loại hạnh kiểm Trung bình; Hoặc có một (01) trong những khuyết điểm được nêu dưới đây:

[a] Có sai phạm nghiêm trọng, hoặc có sai phạm lặp lại nhiều lần trong việc thực hiện các quy định xếp loại hạnh kiểm Tốt; Được giáo dục nhưng chưa sửa chữa.

XẾP LOẠI HẠNH KIỂM: YẾU
(trích Đ.4 TT.58)

[b] Vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể của thầy cô giáo, nhân viên nhà trường; Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể của bạn hoặc của người khác.

[c] Gian lận trong học tập, trong kiểm tra, trong thi cử.

XẾP LOẠI HẠNH KIỂM: YẾU
(trích Đ.4 TT.58)

[d] Đánh nhau, gây rối trật tự an ninh trong nhà trường hoặc ngoài xã hội;

[e] Vi phạm an toàn giao thông; Gây thiệt hại tài sản công hoặc tài sản của người khác.

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC LỰC
(trích Đ.5 TT.58)

Học lực được xếp thành 05 loại: G (Giỏi), K (Khá), TB (Trung bình), Y (Yếu) và Kém;

Học lực được đánh giá, xếp loại sau mỗi học kỳ (học kỳ 1, 2) và cả năm học;

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC LỰC
(trích Đ.5 TT.58)

Căn cứ đánh giá, xếp loại Học lực dựa trên **mức độ hoàn thành chương trình các môn học, hoạt động giáo dục** trong kế hoạch giáo dục cấp THPT;

Mức độ hoàn thành chương trình các môn học được xét dựa trên **kết quả đạt được của các bài Kiểm tra**;

CÁC HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC LỰC
(trích Đ.6 TT.58)

[a] Đối với môn Giáo dục Thể chất (môn thể dục): đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập;

[b] Đối với môn Giáo dục Công dân: kết hợp giữa đánh giá bằng cho điểm số và nhận xét kết quả học tập;

CÁC HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC LỰC
(trích Đ.6 TT.58)

[c] Các môn học còn lại: đánh giá bằng cho điểm số;

[d] Các bài kiểm tra được cho điểm theo thang điểm từ điểm 00 đến điểm 10;

KẾT QUẢ MÔN HỌC TRONG ĐÁNH GIÁ HỌC LỰC (trích Đ.6 TT.58)

Đối với môn học được đánh giá bằng cho điểm số:

- Tính điểm **trung bình môn học** (**ĐTBM**) và tính điểm **trung bình các môn học** (**ĐTBCM**) sau mỗi học kỳ, cả năm học.

KẾT QUẢ MÔN HỌC TRONG ĐÁNH GIÁ HỌC LỰC (trích Đ.6, Đ.7 TT.58)

Đối với môn học được đánh giá bằng nhận xét sau mỗi học kỳ, cả năm học theo 02 loại: Đ (đạt yêu cầu), CĐ (chưa đạt yêu cầu)

- **Loại Đ: nếu đảm bảo thực hiện được các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra; Hoặc: có cố gắng, tích cực học tập và tiến bộ rõ rệt trong thực hiện các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra.**
- **Kết quả nhận xét các bài kiểm tra đều tính một lần khi xếp loại môn học sau mỗi học kỳ.**

KẾT QUẢ NHẬN XÉT MÔN HỌC CỦA MỖI HỌC KỲ VÀ CỦA CẢ NĂM HỌC (trích Đ.10 TT.58)

Kết quả môn học của Học kỳ là Đ nếu thỏa điều kiện:

- Có đủ số lần kiểm tra tối thiểu theo quy định và có 2/3 số bài kiểm tra trở lên được đánh giá mức Đ, trong đó có bài kiểm tra Học kỳ.

Kết quả môn học của Cả năm là Đ nếu thỏa điều kiện:

- Cả hai học kỳ đều được xếp loại Đ;
- Hoặc: Học kỳ 1 có thể bị xếp loại là CĐ, nhưng Học kỳ 2 phải có xếp loại là Đ.

HÌNH THỨC KIỂM TRA (KTr), PHÂN LOẠI BÀI KIỂM TRA (trích Đ.7 TT.58)

KTr Thường xuyên

- KTr Hỏi đáp (Hệ số 1)
- KTr Viết / Thực hành dưới 45 phút (Hệ số 1)

KTr Định kỳ

- KTr Viết / Thực hành từ 45 phút trở lên (Hệ số 2)
- KTr Học kỳ (cuối kỳ) (Hệ số 3)

HÌNH THỨC KIỂM TRA (KTr), PHÂN LOẠI BÀI KIỂM TRA (trích Đ.7 TT.58)

KIỂM TRA BÙ

Học sinh **không có đủ số lần kiểm tra tối thiểu theo quy định chương trình học** của mỗi môn học thì **phải được kiểm tra Bù**;

Kiểm tra Bù được hoàn thành **trong từng Học kỳ** (hoặc cuối năm học)

Học sinh **không tham dự kiểm tra bù** (đã được thông báo) sẽ có điểm **00** hoặc bị nhận xét **CĐ**.

NGUYÊN TẮC CHO ĐIỂM BÀI KIỂM TRA (trích Đ.8 TT.58)

Đối với bài Kiểm tra Thường xuyên như kiểm tra Hỏi đáp, kiểm tra Viết (dưới 45 phút) có hình thức làm bài Tự luận:

- **Điểm cho bài kiểm tra là điểm số nguyên;**
- **Ví dụ: 00 ; 01 ; 5 ; 8 ; ...**

NGUYÊN TẮC CHO ĐIỂM BÀI KIỂM TRA (trích Đ.8 TT.58)

Đối với bài Kiểm tra Thường xuyên có hình thức làm bài Trắc nghiệm (hoặc có phần trắc nghiệm), bài Kiểm tra Định kỳ:

- **Điểm cho bài kiểm tra là điểm số nguyên, hoặc là điểm số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số;**
- **Ví dụ: 00 ; 1,0 ; 3,5; 5,0 ; 6,3 ; 8,8 ; ...**

$$ĐTBM_{HK} = \frac{(TĐKT_{TX}) + (TĐKT_{ĐK}) \times 2 + (ĐKT_{HK}) \times 3}{(\text{Số bài } KT_{TX}) + (\text{Số bài } KT_{ĐK}) \times 2 + 3}$$

TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN HỌC CỦA MỖI HỌC KỲ

		ĐIỂM HỆ SỐ 1				ĐIỂM HỆ SỐ 2		ĐIỂM HỆ SỐ 3
HK.I:	M	V_1	V_2	V_3	V_4	V_5	V_6	THI HK
	8	5	2	7	4	5.5	6.8	6.3
ĐTB_HKI:	5.8							

$$[\text{ĐTB}_{mhk.I}] = \frac{[8+5+2+7+4]+2\times[5{,}5+6{,}8]+3\times[6{,}3]}{[5]+2\times[2]+3}$$

VÍ DỤ TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN / HỌC KỲ 1

$$ĐTBM_{CN} = \frac{(ĐTBM_{HK.1}) + (ĐTBM_{HK.2}) \times 2}{3}$$

TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN CẢ NĂM HỌC

ĐIỂM TOÁN CỦA HS: NGUYỄN VĂN A

		ĐIỂM HỆ SỐ 1				ĐIỂM HỆ SỐ 2		ĐIỂM HỆ SỐ 3
HK.I:	M	V_1	V_2	V_3	V_4	V_5	V_6	THI HK
	8	5	2	7	4	5.5	6.8	6.3
ĐTB_HKI:	5.8							

ĐIỂM TOÁN CỦA HS: NGUYỄN VĂN A

		ĐIỂM HỆ SỐ 1				ĐIỂM HỆ SỐ 2		ĐIỂM HỆ SỐ 3
HK.II:	M	V_1	V_2	V_3	V_4	V_5	V_6	THI HK
	7	6	4	7	3	6	7.5	7
ĐTB_HKII:	6.3							

CẢ NĂM:
ĐTBm_CN: 6.1

$$[\text{ĐTB}_{mcn}] = \frac{[5{,}8] + 2\times[6{,}3]}{3}$$

VÍ DỤ TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN / CẢ NĂM HỌC

TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CÁC MÔN HỌC (ĐTBCM) CỦA HỌC KỲ & CẢ NĂM HỌC (TRÍCH Đ.11 TT58)

ĐTBCM HK

Là điểm TRUNG BÌNH CỘNG của điểm trung bình môn Học kỳ ($ĐTBM_{HK}$) của các môn học đánh giá bằng điểm số.

Là số nguyên hoặc là số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

ĐTBCM CN

Là điểm TRUNG BÌNH CỘNG của điểm trung bình môn Cả năm ($ĐTBM_{CN}$) của các môn học đánh giá bằng điểm số.

Là số nguyên hoặc là số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI HỌC LỰC: GIỎI
(trích Đ.13 TT.58)

ĐTBCM ≥ 8.0; Trong đó: môn TOÁN hoặc môn NGỮ VĂN phải có ĐTBM ≥ 8.0.

Không có môn học nào có ĐTBM < 6,5;

Các môn học được đánh giá bằng nhận xét phải có mức Đ.

TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI HỌC LỰC: KHÁ
(trích Đ.13 TT.58)

ĐTBCM ≥ 6,5; Trong đó: môn TOÁN hoặc môn NGỮ VĂN phải có ĐTBM ≥ 6,5.

Không có môn học nào có ĐTBM < 5,0;

Các môn học được đánh giá bằng nhận xét phải có mức Đ.

TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI HỌC LỰC: TRUNG BÌNH
(trích Đ.13 TT.58)

ĐTBCM ≥ 5,0; Trong đó: môn TOÁN hoặc môn NGỮ VĂN phải có ĐTBM ≥ 5,0.

Không có môn học nào có ĐTBM < 3,5;

Các môn học được đánh giá bằng nhận xét phải có mức Đ.

XẾP LOẠI HỌC LỰC: YẾU
(trích Đ.13 TT.58)

ĐTBCM ≥ 3,5.

Không có môn học nào có ĐTBM < 2,0;

XẾP LOẠI HỌC LỰC: KÉM
(trích Đ.13 TT.58)

Tất cả các trường hợp còn lại

XÉT DUYỆT KẾT QUẢ NĂM HỌC: ĐƯỢC LÊN LỚP (trích Đ.15 TT.58)

Học sinh có tất cả điều kiện sau đây:

- Nghỉ (vắng mặt) không quá 45 buổi học; Kể cả nghỉ có phép hoặc không có phép, nghỉ liên tục hoặc nhiều lần cộng lại;
- Có đánh giá, xếp loại Hạnh kiểm và Học lực: từ mức Trung bình trở lên;

XÉT DUYỆT KẾT QUẢ NĂM HỌC: ĐƯỢC RÈN LUYỆN HÈ (trích Đ.16 TT.58)

Học lực Cả năm: xếp loại từ **Trung bình** trở lên;

Hạnh kiểm Cả năm: xếp loại **Yếu**.

Học sinh **đăng ký tham gia Rèn luyện hè** của nhà trường và phải thực hiện các nhiệm vụ rèn luyện đạo đức trong kỳ nghỉ hè để được xét duyệt Hạnh kiểm lại;

Nếu hoàn thành nhiệm vụ trong kỳ rèn luyện hè và được đánh giá, xếp loại lại Hạnh kiểm từ **Trung Bình** trở lên, thì được xét duyệt lên lớp.

XÉT DUYỆT KẾT QUẢ NĂM HỌC: ĐƯỢC KIỂM TRA LẠI (trích Đ.16 TT.58)

Hạnh kiểm Cả năm: xếp loại từ **Trung bình** trở lên;

Học lực Cả năm: xếp loại **Yếu**.

Học sinh được **chọn một số môn** trong các môn học có điểm trung bình môn Cả năm ($ĐTBM_{CN}$) **dưới 5,0** hoặc có kết quả nhận xét **CĐ** để kiểm tra Lại;

Kết quả kiểm tra Lại được lấy **thay thế cho kết quả xếp loại Cả năm học của môn học đó** để tính lại điểm trung bình các môn cả năm (ĐTBCM CN) và xếp loại lại về học lực; Sau khi xếp loại lại, nếu đạt mức **Trung bình** thì được lên lớp.